

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/LĐ-ST

Ngày: 25/7/2025

V/v: tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Miện

Ông Bùi Thế Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 2 – Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 15/2025/TLST-LĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, chức vụ: Nhân viên bảo hiểm công ty cổ phần M.

Địa chỉ: xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Nay là xã L, tỉnh Bắc Giang)

Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (Thôn A, xã H, tỉnh Bắc Giang)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang. (thôn T, xã L, tỉnh Bắc Ninh)

2. Bảo hiểm xã hội khu vực XI

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Minh T, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường D, thành phố B. (Số B, đường H, phường B, tỉnh Bắc Giang)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai H2 – Phó giám đốc Bảo Hiểm xã

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty Cổ phần M (Gọi tắt là Công ty M) có ký hợp đồng lao động số: 0189/ HĐLĐ -TGD giữa: đại diện của Công ty là ông Vũ Văn H3 – Phó tổng giám đốc và Chị Hà Thị H – sinh ngày 18 tháng 7 năm 1989. Đến nay chị H đã liên hệ với Công ty để xác nhận người lao động trực tiếp tham gia lao động tại Công ty M là chị Đỗ Thị O – sinh ngày 09/02/1994 chứ không phải chị H. Lý do có sự việc trên là chị H1 tại thời điểm ký hợp đồng lao động với Công ty thì chị H1 chưa đủ tuổi lao động. Vì thế, Công ty đã tiến hành rà soát phát hiện có sự việc chị H1 đã mượn hồ sơ của chị H để ký hợp đồng lao động với Công ty.

Hơn nữa, tại thời điểm chị H cho chị H1 mượn hồ sơ thì chị H cũng đang lao động và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH S với số sổ 2710034598 từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2013. Vì có việc trùng đóng bảo hiểm của chị H nên Công ty mới biết người đã ký hợp đồng lao động với Công ty không phải là chị Hà Thị H mà là chị Đỗ Thị H1.

Do người lao động khi thực hiện giao kết hợp đồng lao động đã vi phạm nguyên tắc: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực được quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động nên Công ty Cổ phần M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty M với người lao động là chị Hà Thị H vô hiệu.

Bị đơn chị Hà Thị H trình bày:

Chị và chị Đỗ Thị H1 có mối quan hệ họ hàng với nhau, do hiểu biết pháp luật hạn chế và do nhu cầu việc làm để sinh sống của chị H1 nên chị đã đồng ý cho chị H1 mượn các giấy tờ tùy thân để chị H1 nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số: 0189/ HĐLĐ -TGD ngày 01/12/2009 với Công ty M. Theo đó, chị O đã làm việc tại Công ty M từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 thì nghỉ, chị H1 đã được Công ty M đóng bảo hiểm xã hội với số sổ: 2410000288 mang tên Hà Thị H.

Bản thân chị trước khi cho chị H1 mượn hồ sơ cá nhân để ký hợp đồng lao động với Công ty M thì chị cũng đang việc tại Công ty TNHH S từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2013 và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ bảo hiểm là 2710034598. Do có việc trùng thời gian đóng bảo hiểm là từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 nên chị không thực hiện được các chế độ liên quan đến bảo hiểm xã hội của chị được. Vì vậy, việc Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án Khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa Công ty M với Hà Thị H là vô hiệu thì chị đồng ý. Chị xác định chưa có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Đỗ Thị H1 trình bày: Chị và chị Hà Thị H có quan hệ họ hàng, do có nhu cầu lao động nhưng chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên chị đã mượn các giấy tờ tùy thân của chị H để nộp hồ sơ xin việc và ký hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 với Công ty M. Chị đã làm việc tại Công ty M từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 thì nghỉ việc, trong thời gian làm việc chị đã được Công ty M đóng bảo hiểm xã hội cho chị theo sổ bảo hiểm xã hội số 2410000288 mang tên Hà Thị H.

Nay Công ty M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh) tuyên bố hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa Công ty M với chị Hà Thị H vô hiệu thì chị đồng ý. Chị không có thiệt hại gì khi tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B trình bày:

Chị Hà Thị H, sinh ngày 18/7/1989, số CCD 024189008606 (số CMT 121780858) có tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 mã sổ 2410000288 và 2710034598, thời gian trùng từ tháng 05/2011 đến tháng 02/2012 (10 tháng).

Mã số BHXH 2410000288 có thời gian tham gia từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2012 tại Công ty cổ phần M do Văn phòng BHXH khu vực XI quản lý thu. Mã số BHXH 2400000288 đã hưởng trợ cấp BHXH 01 lần từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2012 còn thất nghiệp chưa hưởng.

Mã số BHXH 2710034598 có thời gian tham gia từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2013 tại công ty TNHH S1 do BHXH huyện Y (nay là BHXH liên huyện T - Y) quản lý thu. Mã số BHXH 2710034598 đã hưởng hết trợ cấp BHXH 1 lần và trợ cấp thất nghiệp.

Nay Công ty M yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa Công ty M với chị Hà Thị H vô hiệu thì BHXH tỉnh B (Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI) đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa (nay là Tòa án Khu vực 2 – Bắc Ninh) giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đặc thù tính chất công việc của Bảo hiểm xã hội khu vực XI, vậy BHXH khu vực xin được vắng mặt tại buổi làm việc tại các phiên tòa.

Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn không bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện nên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên

đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần M, tuyên Hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Hà Thị H vô hiệu;

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Công ty M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số: 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa Công ty với chị Hà Thị H (Do chị Đỗ Thị H1 đã ký hợp đồng lao động với Công ty) vô hiệu do vi phạm nguyên tắc Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo quy định Điều 15 Bộ luật lao động và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Trụ sở của Công ty M và địa chỉ của người lao động đều ở huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Các đương sự tự thỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nơi Công ty có trụ sở giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động. Hơn nữa, Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XV về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án

nhân dân khu vực và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, kể từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền theo lãnh thổ tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền sơ thẩm vụ việc dân sự quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án là có căn cứ.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M, chị Hà Thị H, chị Đỗ Thị H1, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI) đều có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty M yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số: 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Hà Thị H vô hiệu HĐXX nhận thấy:

Trong quá trình tố tụng, chị H và chị H1 thống nhất nội dung chị H cho chị H1 mượn giấy tờ tùy thân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 tại Công ty cổ phần M theo mã sổ Bảo hiểm xã hội số 2410000288. Tuy nhiên, cũng cùng thời điểm chị H cho chị H1 mượn hồ sơ để làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty Cổ phần M thì chị H cũng làm việc và đóng bảo hiểm tại Công ty TNHH S với sổ bảo hiểm số 2710034598. Vì thế, hiện nay chị H đang là một người nhưng tham gia đóng bảo hiểm ở hai Công ty khác nhau vào cùng một khoảng thời gian là từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 dẫn đến chị không thực hiện được các quyền lợi liên quan đến bảo hiểm xã hội. Việc chị H1 mượn giấy tờ tùy thân của chị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty M đã vi phạm nguyên tắc trung thực tại khoản 1 Điều 15. Chị H1 cũng đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

Đối với yêu cầu khởi kiện tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của Công ty M và đồng thời cũng đảm bảo quyền lợi cho chị Hà Thị H thì việc tuyên bố hợp đồng lao động số: 0189/HĐLĐ – TGD ngày 01/12/2009 vô hiệu là đúng pháp luật. Hơn nữa, chỉ khi hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ- GD vô hiệu thì Bảo hiểm xã hội khu vực XI mới căn cứ vào Quyết định của Tòa án và Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B để xem xét, giải quyết các chế độ bảo hiểm cho chị Hà Thị H được.

Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang (Nay là Bảo hiểm xã hội khu vực XI) đã có văn bản xác nhận: khoảng thời gian từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2012 tên Hà Thị H có

tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty M. Từ tháng 05/2011 đến tháng 11/2013 tên Hà Thị H tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S theo mã số Bảo hiểm xã hội 2710034598. Nội dung trả lời của M khu vực XI là thông tin xác thực cho việc chị H1 không trung thực khi ký hợp đồng lao động là có thật và có việc đóng trùng bảo hiểm xã hội là đúng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ – GĐ ngày 01/12/2009 giữa Công ty M và chị Hà Thị H vô hiệu.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu:

Các đương sự xác định không có thiệt hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Bắc Ninh tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020; Khoản 2 Điều 27 quy trình thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 2525/VBHN-BHXH ngày 15/8/2023 của B; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp khu vực; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên:

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số: 0189/HĐLD-GĐ ngày 01/12/2009 giữa Công ty Cổ phần M với chị Hà Thị H vô hiệu.

- Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan bảo hiểm xã hội thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty cổ phần M phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002662 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 2- Bắc Ninh). Xác định Công ty cổ phần M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hương Lan

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người sử dụng lao động Công ty M với người lao động tên Hà Thị H (do chị Đỗ Thị H1 là người ký kết) vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Công ty M và người lao động ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty tại huyện H, tỉnh Bắc Giang. Chị Hà Thị H có hộ khẩu thường trú Tại Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Nay là Thôn A, xã H, tỉnh Bắc Ninh). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 50 của Bộ luật Lao động.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M, chị Hà Thị H, chị Đỗ Thị H1, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh B đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty CP M yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 0189/HĐLĐ-GĐ ngày 01/12/2009 giữa đại diện công ty cổ phần M ông Vũ Văn H3 với chị Hà Thị H vô hiệu, xét thấy:

Trong quá trình tố tụng, chị H và chị H1 thống nhất nội dung chị H cho chị H1 mượn giấy tờ tùy thân để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ

12/2009 đến tháng 02/2012 tại Công ty cổ phần M theo mã số Bảo hiểm xã hội 2410000288. Công văn số 639/BHXX-QLTST ngày 20/6/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh M thể hiện trong khoảng thời gian từ tháng 05/2010 đến tháng 11/2013 chị Hà Thị H tham gia bảo hiểm xã hội Công ty TNHH S2 do BHXH huyện Y quản lý thu theo mã số Bảo hiểm xã hội 2710034598.

Theo khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật Lao động quy định khi giao kết hợp đồng phải trên nguyên tắc: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”* và người lao động có nghĩa vụ: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*.

Mặt khác theo Điều 49 của Bộ luật Lao động quy định: Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.

Thực tế người lao động ký kết hợp đồng với Công ty M từ tháng 12/2009 đến tháng 02/2012 là chị H1, không phải chị H. Việc chị H1 mượn giấy tờ tùy thân của chị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty M là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn chị Hà Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị H1 đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M về việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty M đối với bị đơn chị Hà Thị H về việc yêu cầu hợp đồng lao động vô hiệu.

Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì chị Hà Thị H và chị Đỗ Thị H1 có trách nhiệm liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang để thực hiện thủ tục hiệu chỉnh nhân thân trên sổ bảo hiểm số 2410000288 theo quy định pháp luật.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu:

Các đương sự xác định không có thiệt hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý từ việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty M tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, Công ty M phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994;

- Các Điều 15, 16, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên:

- Tuyên bố Hợp đồng lao động số 01897/HĐLD-GĐ ngày 01/12/2009 giữa đại diện công ty cổ phần M với chị Hà Thị H vô hiệu.

- Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết chế độ về bảo hiểm xã hội. Trường hợp đồng ý với việc giải quyết của cơ quan bảo hiểm xã hội thì đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án hành chính khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần M phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002662 ngày 22/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Bắc Ninh). Xác định Công ty cổ phần M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2- Bắc Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hương Lan